**Question 1**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi thêm một một bản ghi mới vào bảng, có thể sẽ ảnh hướng đến:

Select one:

a. Tất cả đều đúng

b. Ràng buộc khoá chính trong bảng

c. Ràng buộc NOT NULL trong bảng

d. Ràng buộc khoá quan hệ trong bảng

**Question 2**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Tính tương thích trong yêu cầu chất lượng phần mềm là:

Select one:

a. Đầy đủ và chính xác các yêu cầu của người dùng

b. Tốc độ xử lý nhanh, đạt hiệu quả kinh tế

c. Giao diện đẹp, trực quan, dễ thao tác

d. Cho phép trao đổi dữ liệu với các phần mềm khác

**Question 3**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Yêu cầu chức năng hệ thống bao gồm:

Select one:

a. Môi trường; Mô phỏng; Tự động; Phân quyền; Sao lưu

b. Lưu trữ; Mô phỏng; Tự động; Phân quyền; Sao lưu

c. Tất cả đều sai

d. Môi trường; Kết xuất; Tự động; Phân quyền; Sao lưu

**Question 4**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Nhóm phép toán Single-Row là:

Select one:

a. EXISTS, NOT EXISTS

b. =, <>, <, <=, >, >=

c. Tất cả đều sai

d. IN, NOT IN, All, ANY

**Question 5**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Tìm hiểu hiện trạng tổ chức bao gồm:

Select one:

a. Đối nội; Đối ngoại; Chức danh

b. Thông tin đầu vào

c. D. Thông tin kết xuất

d. Quy mô hoạt động; Các hoạt động mà đơn vị có tham gia

**Question 6**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi tạo bảng, đặt ràng buộc khoá quan hệ (foreign key) ở:

Select one:

a. Cả hai

b. Tất cả đều sai

c. Bảng cha

d. Bảng con

**Question 7**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Phát biểu nào sau đây sai khi vẽ luồng thông tin:

Select one:

a. Luồng thông tin cho nối giữa tác nhân và tiến trình, giữa tiến trình và kho

b. Mỗi luồng thông tin chỉ có một chiều (một mũi tên)

c. Tất cả đều sai

d. Luồng thông tin cho phép từ một tiến trình vào chính nó

**Question 8**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Quyền trên đối tượng bao gồm:

Select one:

a. Các câu lệnh thao tác dữ liệu (DML)

b. Tất cả đều sai

c. Quyền kết nối cơ sở dữ liệu

d. Các câu lệnh định nghĩa dữ liệu (DDL)

**Question 9**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Kết quả nhận của giai đoạn “Thiết kế” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Thông tin về hoạt động của thế giới thực

b. Danh sách các yêu cầu cùng các thông tin có liên quan

c. Mô hình thế giới thực

d. Mô hình phần mềm

**Question 10**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Một trong các đặc điểm của phần mềm:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Phần mềm không “hỏng đi”

c. Phần mềm được chế tạo theo nghĩa cổ điển

d. Phần mềm được lắp ráp từ các thành phần có sẵn

**Question 11**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Tính đúng đắn trong yêu cầu chất lượng phần mềm là:

Select one:

a. Đầy đủ và chính xác các yêu cầu của người dùng

b. Cho phép người dùng khai báo các thay đổi về quy định với phần mềm

c. Tốc độ xử lý nhanh

d. Đạt hiệu quả kinh tế

**Question 12**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Một trong các đặc điểm của phương pháp kiểm thử hộp đen là:

Select one:

a. Quan tâm đến cài đặt cụ thể

b. Dựa trên đặc tả cầu trúc

c. Chỉ chú tâm đến phát hiện sai sót

d. Tất cả đều sai

**Question 13**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Yêu cầu đối với việc thiết lập ràng buộc quan hệ giữa 2 cột của 2 bảng là:

Select one:

a. Cột bên bảng con là khóa ngoại

b. Tất cả đều đúng

c. Hai cột đó phải cùng kiểu dữ liệu và độ rộng

d. Cột bên bảng cha là khoá chính

**Question 14**

Complete

Mark1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Thành phần giao diện của phần mềm gồm:

Select one:

a. Hệ thống các hàm xử lý tính toán

b. Hệ thống các hàm nhập/xuất cùng với hình thức trình bày

c. Tất cả đều sai

d. Hệ thống các hàm đọc/ghi với mô hình tổ chức dữ liệu tương ứng

**Question 15**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Phép toán Exists, Not Exists có thể so sánh với truy vấn con:

Select one:

a. Multiple-Row SubQuery

b. Single-Row SubQuery

c. Multiple-Column SubQuery

d. Cả 3 loại truy vấn trên

**Question 16**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Ý nghĩa sử dụng của màn hình chính:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Cho phép người dùng tra cứu, tìm kiếm thông tin

c. Cho phép người dùng chọn được công việc mà họ muốn thực hiện trên máy tính

d. Cho phép người dùng nhập liệu và tính toán

**Question 17**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Kết quả chuyển giao của giai đoạn “Phân tích” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Các phản ánh của khách hàng trong quá trình sử dụng phần mềm

b. Danh sách các yêu cầu cùng với thông tin chi tiết về từng yêu cầu

c. Mô hình xử lý; Mô hình dữ liệu

d. Phần mềm với độ tin cậy cao

**Question 18**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Đặc điểm của phương pháp kiểm thử hộp đen là:

Select one:

a. Dựa trên đặc tả các chức năng

b. Không quan tâm đến cài đặt cụ thể

c. Cả 3 phương án trên

d. Chỉ chú tâm đến phát hiện sai sót

**Question 19**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Các phép toán trong ngôn ngữ thao tác dữ liệu (DML) bao gồm:

Select one:

a. INSERT, UPDATE, DELETE, SELECT

b. COMMIT, ROLLBACK

c. INSERT, UPDATE, DELETE

d. Tất cả đều sai

**Question 20**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Nhóm phép toán Multiple-Row là:

Select one:

a. =, <>, <, <=, >, >=

b. IN, NOT IN, All, ANY

c. EXISTS, NOT EXISTS

d. Tất cả đều sai

**Question 21**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Remove flag

Question text

Ưu điểm của hình thức “Phỏng vấn” khi khảo sát hiện trạng:

Select one:

a. Kỹ sư phần mềm không bị định kiến

b. Nhận được cả thông tin chất lượng và số lượng

c. Tất cả đều sai

d. Nhận được các hiểu biết tốt về môi trường công tác hiện tại, vấn đề và quá trình xử lý thông qua quan sát

**Question 22**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Nhược điểm của hình thức “Quan sát” khi khảo sát hiện trạng:

Select one:

a. Mất nhiều thời gian

b. Khó thực hiện

c. Tất cả đều sai

d. Chi phí chuẩn bị lớn

**Question 23**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Tối ưu câu truy vấn để cải thiện tốc độ cần:

Select one:

a. Loại bỏ những bảng dư thừa (không liên quan) trong truy vấn

b. Tất cả đều sai

c. Cả 2 phương án A và B

d. Hạn chế sử dụng các hàm tính toán thống kê không cần thiết

**Question 24**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Công nghệ phần mềm là:

Select one:

a. Là một lĩnh vực nghiên cứu nhằm đưa ra các nguyên lý, phương pháp giúp việc thiết kế và cài đặt một sản phẩm phần mềm đạt đầy đủ các yêu cầu về chất lượng

b. Là một lĩnh vực nghiên cứu của tin học nhằm đưa ra các nguyên lý, phương pháp, công cụ, phương tiện giúp việc thiết kế và cài đặt một sản phẩm phần mềm đạt đầy đủ các yêu cầu về chất lượng

c. Là một lĩnh vực nghiên cứu của tin học nhằm đưa ra các nguyên lý, phương pháp, công cụ, phương tiện giúp việc thiết kế và cài đặt một sản phẩm phần mềm

d. Tất cả đều sai

**Question 25**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Remove flag

Question text

Hình thức trình bày của thiết kế màn hình chính gồm:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Thực đơn; Phím nóng; Biểu tượng; Sơ đồ; Tích hợp

c. Phím nóng Thực đơn; Biểu tượng

d. Thực đơn; Phím nóng; Biểu tượng; Sơ đồ

**Question 26**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Trước khi tiến hành phỏng vấn khách hàng cần chuẩn bị:

Select one:

a. Kế hoạch phỏng vấn (con người, thời gian, địa điểm)

b. Cả hai phương án A và B

c. Bộ câu hỏi

d. Tất cả đều sai

**Question 27**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Yêu cầu chức năng nghiệp vụ bao gồm:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Lưu trữ; Tra cứu; Tính toán; Sao lưu

c. Lưu trữ; Kết xuất; Tra cứu; Sao lưu

d. Lưu trữ; Tra cứu; Tính toán; Kết xuất

**Question 28**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Kết quả nhận của giai đoạn “Bảo trì” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Mô hình thế giới thực

b. Phần mềm đã hoàn thành

c. Danh sách các yêu cầu cùng các thông tin có liên quan

d. Thông tin về hoạt động của thế giới thực

**Question 29**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Ưu điểm của hình thức “Họp nhóm” khi khảo sát hiện trạng:

Select one:

a. Nhận được cả thông tin chất lượng và số lượng

b. Tất cả đều sai

c. Nhận được cả thông tin tổng hợp và chi tiết

d. Nhận được các hiểu biết tốt về môi trường công tác hiện tại, vấn đề và quá trình xử lý thông qua quan sát

**Question 30**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Mục tiêu chính của giai đoạn “Kiểm thử” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Tăng độ tin cậy của phần mềm

b. Mô tả lại thế giời thực thông qua các mô hình trước khi thiết kế

c. Tạo lập phần mềm theo yêu cầu

d. Mô tả các thành phần của phần mềm trước khi tiến hành cài đặt

**Question 31**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Mục tiêu chính của giai đoạn “Thiết kế” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Mô tả các thành phần của phần mềm trước khi tiến hành cài đặt

b. Xác định chính xác các yêu cầu đặt ra cho phềm mềm

c. D. Tạo lập phần mềm theo yêu cầu

d. Mô tả lại thế giời thực thông qua các mô hình trước khi thiết kế

**Question 32**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Kết quả chuyển giao của giai đoạn “Lập trình (cài đặt)” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Chương trình nguồn của phần mềm với cấu trúc cơ sở dữ liệu tương ứng

b. Mô hình xử lý; Mô hình dữ liệu

c. Danh ách các yêu cầu cùng với thông tin chi tiết về từng yêu cầu

d. Phần mềm với độ tin cậy cao

**Question 33**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Trong cùng một bảng có thể:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Tạo mối quan hệ giữa một cột đến một cột khác

c. Cả 2 phương án A và B

d. Truy vấn kết nối từ bảng tới chính nó

**Question 34**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Mũi tên vẽ mối quan hệ giữa 2 bảng trong sơ đồ logic theo hướng:

Select one:

a. Từ bảng con đến bảng cha

b. Từ bảng cha đến bảng con

c. Cả hai chiều

d. Tất cả đều sai

**Question 35**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Xác định yêu cầu chức năng nghiệp vụ là:

Select one:

a. Xác định các công việc mà người dùng sẽ thực hiện trên phần mềm

b. Tất cả đều sai

c. Xác định bộ phận (người dùng) sẽ sử dụng phần mềm

d. Cả 2 phương án A và B

**Question 36**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Đặc điểm của phần mềm có:

Select one:

a. Cả hai phương án A và B

b. Phần lớn phần mềm được xây dựng theo đơn đặt hàng, ít khi được lắp ráp từ các thành phần có sẵn

c. Phần mềm không hỏng đi

d. Tất cả đều sai

**Question 37**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Nội dung của màn hình nhập liệu gồm:

Select one:

a. Cả 3 phương án trên

b. Thông tin nhập liệu và Thông tin tính toán

c. Tiêu chí tra cứu và Kết quả tra cứu

d. Danh sách các công việc có thể thực hiện với phần mềm

**Question 38**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Loại thông tin chính khi xác định yêu cầu phần mềm là:

Select one:

a. Tên công việc ứng với từng yêu cầu

b. Người hoặc bộ phận sẽ thực hiện công việc

c. Cả 3 phương án trên

d. Địa điểm và thời gian thực hiện công việc

**Question 39**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Yêu cầu phi chức năng liên quan đến người dùng bao gồm:

Select one:

a. Tính tiến hoá; Tính tái sử dụng; Tính hiệu quả; Tính tương thích

b. Tính tiến hoá; Tính tiện dụng; Tính hiệu quả; Tính tương thích

c. Tính tiến hoá; Tính tiện dụng; Tính hiệu quả; Tính bảo trì

d. Tất cả đều sai

**Question 40**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Nhược điểm của hình thức “Phỏng vấn” khi khảo sát hiện trạng:

Select one:

a. Cả hai phương án trên

b. Đòi hỏi kỹ năng giao tiếp

c. Không hiệu quả

d. Khó thực hiện